

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-PT
Ngày 19 – 6 - 2019
V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phấn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Bà Thái Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Hà, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2018/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 37/2018/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2019/QĐPT ngày 25 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1988. Trú tại: Xóm 5A, xã N, huyện n, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Ngô D, sinh năm 1979; Nơi ĐKKHKT tại: L, phường T thành phố V, tỉnh Nghệ An. Hiện nay trú tại: Số 42, khối y, phường d, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị M, sinh năm 1955 (Mẹ chị T); Trú tại: xóm 7A, xã A, huyện A, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mùi: Bà Phan Thị Th , sinh năm 1987; Trú tại: Số 15, đường C, phường Q thành phố V , tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Ông Bùi Hữu Ch , sinh năm 1948 (Anh bà M). Trú tại: xóm 3A, xã T huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3. Ông Ngô Xuân H, sinh năm 1950. Có mặt.

4. Bà Đinh Thị T , sinh năm 1950 (Vợ ông H). Có mặt.

Đều trú tại: Xóm 5A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông H và bà T : Anh Ngô D, sinh năm 1979. Hiện nay trú tại: Số , D, phường D, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

5. Ông Nguyễn Đình L , sinh năm 1959; Trú tại: Khối Y, phường Q, thành phố V , tỉnh Nghệ An. Đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Kiều T, nguyên đơn; Anh Ngô D, bị đơn; Vợ chồng ông Ngô Xuân H và bà Đinh Thị T , người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn đề ngày 07/3/2016, các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, Chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày: Chị T và Anh Ngô D kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã n, huyện n vào ngày 06/8/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường bất đồng quan điểm, không phù hợp tính tình, quan điểm sống. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên xin được ly hôn với anh D .

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Ngô Châu A , sinh ngày 19/06/2013, hiện đang do chị T nuôi dưỡng, nếu ly hôn chị T muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con.

Về tài sản: Vợ chồng có làm một ngôi nhà xây dựng trên thửa đất số 868, tờ bản đồ số 29 tại xóm 5A, xã n, huyện n, tỉnh Nghệ An của ông Bùi Hữu Cvà bà Bùi Thị Mcho mượn. Mảnh đất này ông Cvà bà M mua của ông Nguyễn Đình Lnhưng chưa làm thủ tục sang tên. Chị T đề nghị vợ chồng trả lại cho bà Bùi Thị Mvà ông Bùi Hữu Cthửa đất. Còn về phần tài sản trên đất đề nghị Toà án phân chia theo quy định của pháp luật.

Anh Ngô D trình bày: Anh D thừa nhận điều kiện, thời gian, địa điểm kết hôn, mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị T trình bày. Nay chị T làm đơn yêu cầu ly hôn, anh D cũng đồng ý.

Về con chung: Anh D cũng thừa nhận vợ chồng có một con chung là Ngô Châu Anh, sinh ngày 19/06/2013, hiện đang ở với chị T. Nếu ly hôn chị T muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu cấp dưỡng cho con hàng tháng thì anh D cũng đồng ý.

Về tài sản: Anh D cho rằng bố mẹ anh D là ông Ngô Xuân H và bà Đinh Thị Tường có mua 300m² đất thổ cư từ ông Bùi Hữu C và bà Bùi Thị M. Sau đó bà M đã bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Đình L cho ông Ngô Xuân H và bà Đinh Thị Tường giữ, quản lý và sử dụng. Sau khi ông H và bà Tường mua đất thì ông H và bà Tường trực tiếp xây dựng nhà cửa. Vợ chồng ông H, bà Tường xây xong nhà thì mẹ con chị T mới về ở cùng bố mẹ anh D, còn anh D không về chung sống trong gia đình mà dăm bữa nửa tháng mới về một lần. Việc mua bán diện tích đất và xây dựng nhà cửa là do bố mẹ của anh D (Ông H, bà T) trực tiếp giao dịch và xây dựng. Vì vậy phần tài sản đất, nhà cùng các công trình trên đất không phải là tài sản chung của vợ chồng nên đề nghị không giải quyết về phần tài sản. Và anh D cho rằng, anh D không mượn đất của ai nên không đồng ý trả đất. Còn ông Chương, bà M muốn đòi lại đất thì khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Bà Bùi Thị M và Người đại diện theo uỷ quyền cho bà M trình bày: Thừa đất số 868, tờ bản đồ số 29 tại xóm 5A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An, diện tích 680 m² là của ông Bùi Hữu C và bà Bùi Thị M mua của ông Nguyễn Đình L vào năm 2009 nhưng chưa làm thủ tục sang tên chuyển chủ. Đến năm 2012, Chị Nguyễn Thị Kiều T (Con gái của bà M) lấy chồng nhưng chưa có nơi ở nên bà M và ông C cho vợ chồng chị T, anh D mượn đất để làm nhà. Nay vợ chồng chị T và anh D ly hôn, bà M yêu cầu vợ chồng anh D trả lại đất cho bà M và ông C. Còn tài sản trên đất, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ông Bùi Hữu C trình bày: Năm 2009 ông C và bà M (Bà M là em gái ông C) có chung nhau mua thửa đất số 868, tờ bản đồ số 29 tại xóm 5A, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An của ông Nguyễn Đình L. Nhưng do khi mua gia đình ông L đang có tang nên chưa làm thủ tục sang tên chuyển chủ. Khi chị T lấy chồng không có nơi ở nên ông C và bà M đã cho vợ chồng chị T, anh D mượn đất để làm nhà ở. Nay chị T và anh D ly hôn, ông C yêu cầu anh D, chị T và những người liên quan trả lại đất cho ông và bà M sử dụng.

Vợ chồng ông Ngô Xuân H và bà Đinh Thị T và người đại diện theo uỷ quyền cho ông H , bà T trình bày: Vợ chồng ông Ngô Xuân H và bà Đinh Thị T có mua 300m² đất thổ cư từ ông Bùi Hữu Cvà bà Bùi Thị M . Sau đó bà M đã bàn giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Đình L cho ông Ngô Xuân H và bà Đinh Thị T giữ, quản lý và sử dụng, nhưng vì thông gia tin tưởng nhau nên không làm giấy tờ gì. Sau khi ông H , bà T mua đất thì ông H , bà T trực tiếp xây dựng nhà cửa. Xây xong nhà thì mẹ con chị T mới về ở cùng ông Hà và bà Tường. Việc mua bán, xây dựng nhà cửa là do ông H , bà T trực tiếp giao dịch và xây dựng. Vì vậy phần tài sản nhà, các công trình trên đất không phải là tài sản chung của vợ chồng anh D và chị T nên đề nghị không đưa ra giải quyết. Còn về đất ở thì ông H , bà T đã mua nên không đồng ý trả lại.

Ông Nguyễn Đình L trình bày: Năm 2009, ông có bán cho bà M và ông C thửa đất số 868, tờ bản đồ số 29 tại xóm 5A, xã n, huyện n, tỉnh Nghệ An, có diện tích 680m². Sau khi chuyển nhượng hai bên đã làm xác nhận qua chính quyền địa phương và từ đó đến nay hai bên không có tranh chấp gì. Hiện nay ông Nguyễn Đình L vẫn tiếp tục đồng ý chuyển nhượng thửa đất cho ông C , bà M như hợp đồng trước đây đã ký giữa các bên.

Ông Nguyễn Đình L khẳng định, sau khi làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất cho ông Cvà bà M, ông L hoàn toàn không có giao dịch gì với người khác đối với thửa đất trên. Nay ông C , bà M yêu cầu anh D , chị T và những người liên quan trả lại thửa đất thì ông L không có ý kiến gì, vì toàn bộ thửa đất ông L đã chuyển nhượng cho ông C , bà M.

Tại bản án số 37/2018/HNGĐ-ST ngày 11 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành v, tỉnh Nghệ An quyết định: Căn cứ vào các điều 33, 55, 56, 58, 59, 60, 61, 63, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 điều 28, điều 147, điều 227, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 54 điều 2 nghị định số 01/2017/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung khoản 1 điều 82 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, xử:

- Về quan hệ tình cảm: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Kiều T và Anh Ngô D.

- Về con chung: Xử chấp nhận sự thoả thuận giữa hai bên đương sự cụ thể: Giao con chung là Ngô Châu A , sinh ngày 19/6/2013 cho Chị Nguyễn Thị Kiều T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho Anh Ngô D do chị T không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản: Buộc Anh Ngô D và Chị Nguyễn Thị Kiều T phải trả lại cho ông Bùi Hữu Cvà bà Bùi Thị Mquyền sử dụng đất đối với thửa đất số 868, tờ bản đồ số 29 tại xóm 5A, xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Ông Ngô Xuân H, bà Đinh Thị T , Chị Nguyễn Thị Kiều T và Anh Ngô D có quyền lưu cư trong thời hạn 06 (Sáu) tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt.

Tạm giao cho ông Bùi Hữu Cvà bà Bùi Thị Msử dụng thửa đất số 868, tờ bản đồ số 29 tại xóm 5A, xã n, huyện n, tỉnh Nghệ An.

Ông Bùi Hữu Cvà bà Bùi Thị Mđược quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất tại thửa đất số 868, tờ bản đồ số 29 tại xóm 5A, xã n, huyện n, tỉnh Nghệ An nhưng phải liên đới thanh toán tiền giá trị tài sản cho ông Ngô Xuân H, bà Đinh Thị T g, Anh Ngô D, Chị Nguyễn Thị Kiều T số tiền 544.935.750 đồng. Ký phần cụ thể như sau: Bà Bùi Thị Mvà ông Bùi Hữu Cphải thanh toán cho ông Ngô Xuân H, bà Đinh Thị T số tiền 408.701.814đ (Bốn trăm linh tám triệu bảy trăm linh một ngàn tám trăm mười bốn đồng). Thanh toán cho Chị Nguyễn Thị Kiều T số tiền 68.116.954đ (Sáu mươi tám triệu một trăm mười sáu ngàn chín trăm năm mươi bốn đồng), thanh toán cho Anh Ngô D số tiền 68.116.954đ (Sáu mươi tám triệu một trăm mười sáu ngàn chín trăm năm mươi bốn đồng).

Ông Bùi Hữu Cvà bà Bùi Thị Mđược quyền đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục về đất đai và tài sản trên đất.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về nghĩa vụ của người phải chịu án phí, nghĩa vụ của người phải thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, Chị Nguyễn Thị Kiều T kháng cáo với nội dung: Về phần trích tiền kỷ phần chia tài sản của chị ít so với ông H và bà T và thời gian lưu cư 06 tháng. Yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét giải quyết nâng mức chia kỷ phần chia tài sản cho chị lên, giảm số tiền chia phần tài sản của ông H , bà T xuống, vì ngôi nhà được xây dựng trong thời kỳ hôn nhân. Ông H , bà T g không có thu nhập, xây dựng trên đất mẹ chị cho mượn. Chị không đồng ý lưu cư trong thời hạn 6 tháng, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét.

Ngày 25 tháng 6 năm 2018, Anh Ngô D kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án giám định các tài liệu do bà M, ông C cung cấp. Định giá lại nhà và các công trình khác trên thửa đất số 868, tờ bản đồ số 29 tại xóm 5A, n, n. Tranh chấp về tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 868, tờ bản đồ số 29 tại xóm 5A, xã n, huyện n và toàn bộ căn nhà và tài sản trên đất là của hai vợ chồng ông H, bà Tn. Tòa nhận định anh và chị T mượn đất của ông Bùi Hữu Cvà bà Bùi Thị Mnên buộc anh và chị T trả lại quyền sử dụng đất cho ông C, bà M là không có cơ sở và trái với quy định của pháp luật. Đề nghị cấp phúc thẩm, hủy án sơ thẩm về phần tài sản.

Ngày 23 tháng 6 năm 2018, ông Ngô Xuân H và bà Đinh Thị T kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án giám định các tài liệu do bà M, ông C cung cấp. Tranh chấp về tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 868, tờ bản đồ số 29 tại xóm 5A, xã n, huyện n và toàn bộ căn nhà và tài sản trên đất là của hai vợ chồng ông, bà. Tòa nhận định anh D và chị T mượn đất của ông Bùi Hữu Cvà bà Bùi Thị Mnên buộc anh D và chị T trả lại quyền sử dụng đất cho ông Cvà bà M là không có cơ sở và trái với quy định của pháp luật. Nhà và đất là tài sản của vợ chồng ông, bà do hai ông, bà tự bỏ tiền ra để xây dựng, không liên quan gì đến anh D và chị T. Thửa đất đó chưa phải là tài sản của bà M, ông Cvà GCNQSD đất mang tên ông L không phải mang tên bà M, ông C. Giấy chuyển nhượng đất từ ông L sang bà M, ông C không có giá trị pháp lý vì giấy tờ đó là giả, giấy chuyển nhượng giả có văn bản xác nhận việc văn bản vừa mới được lập xong chứ không phải năm 2009. Bà M không có quyền sở hữu đối với thửa đất thì không thể cho vợ chồng ông, bà mượn đất. Nhà trên đất là hoàn toàn do ông, bà làm là chỗ ở duy nhất của ông, bà. Tòa án lấy nhà của ông, bà giao cho người khác và còn chia cả tiền giá trị già của ông, bà cho anh D và chị T là trái pháp luật, trong khi chị T và anh D không sinh sống trên nhà và đất, chị T sống ở nhà mẹ và anh D có hộ khẩu, sinh sống V. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và ban hành bản án về phần tài sản là không đúng quy định pháp luật, chưa khách quan và chưa đúng bản chất sự việc, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông, bà, vi phạm nghiêm trọng cả về tố tụng lẫn nội dung. Đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm về phần tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Chị Nguyễn Thị Kiều T và ông Ngô Xuân H, bà Đinh Thị Tường giữ nguyên nội dung kháng cáo. Anh Ngô D giữ nguyên nội dung kháng cáo và bổ sung nội dung; cấp sơ thẩm không triệu tập đầy đủ những người làm chứng và bà Luân vợ ông Linh tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Chị Nguyễn Thị Kiều T; Anh Ngô D và vợ chồng ông Ngô Xuân H, bà Đinh Thị Tường; Giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm về phần quan hệ tài sản chung, sửa cách tuyên để đảm bảo công tác thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và ý kiến Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Dyêu cầu tạm hoãn để triệu tập những người tham gia xác nhận việc chuyển nhượng đất giữa ông Linh và ông Chương, bà M và cấp sơ thẩm không đưa bà L vợ ông L vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng tố tụng dân sự thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm các ông H , ông B và ông C đã xác định việc xác nhận vào giấy bán đất thời điểm không thống nhất. Và ông Nguyễn Đình L là người đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ trước đến nay vẫn xác định là chỉ chuyển nhượng đất cho ông Chương, bà M. Hơn nữa trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm Tòa án đã triệu tập các đương sự đến lần thứ tư. Do đó việc xem xét về Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông L với ông C , bà M sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu, nên yêu cầu của Anh Ngô D về nội dung này không có cơ sở để chấp nhận.

Về nội dung: Anh Ngô D và Chị Nguyễn Thị Kiều T kết hôn với nhau vào tháng 8 năm 2012 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa. Trong quá trình giải quyết vụ án, cả chị T và anh D đều xác định, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và thống nhất ly hôn để giải phóng cho nhau. Cấp sơ thẩm quyết định cho ly hôn giữa Chị Nguyễn Thị Kiều T và Anh Ngô D và giao con chung chưa thành niên cho chị T nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của Chị Nguyễn Thị Kiều T: Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự xác định, ngôi nhà và các công trình trên một phần diện tích thửa đất tại xóm 5A, xã Nam Thanh được xây dựng trong thời gian từ cuối năm 2012 đến đầu năm 2013. Chị T và anh D kết hôn với nhau tháng 8/2012. Quá trình xây dựng

nhà, các công trình trên đất vợ chồng ông H , bà T là những người chủ yếu bỏ tiền của, công sức, hơn nữa vợ chồng ông H cần có thời gian nhất định để chuẩn bị nơi ở mới, cấp sơ thẩm đã xem xét và xác định khối tài sản trên đất có $\frac{3}{4}$ giá trị của vợ chồng ông H , bà T và ấn định thời gian được tiếp tục lưu cư là phù hợp. Do đó yêu cầu của chị T về trích tăng kỷ phần trị giá tài sản trên đất cho chị T và thời gian lưu cư là không có cơ sở.

Xét nội dung kháng cáo của Anh Ngô D và vợ chồng ông Ngô Xuân H, bà Đinh Thị T cho rằng, vợ chồng ông H , bà T đã mua 300m² đất thổ cư của bà M, ông Cthuộc thửa số 868, tờ bản đồ số 29 tại xóm 5A, xã n, huyện n. Xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông Hn, bà Tn và anh Dkhông xuất trình được các chứng cứ, tài liệu để chứng minh việc vợ chồng ông Hn, bà Tn nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất của bà M, ông Cn. Và ông Nguyễn Đình Llà người đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng xác định, không chuyển nhượng một phần diện tích thuộc thửa đất số 868, tờ bản đồ số 29, tại xóm 5A, xã n, huyện n tỉnh Nghệ An cho vợ chồng ông H, bà T .

Đối với lời nại của vợ chồng ông H , bà T và anh Dcho rằng; Diện tích thửa đất chưa thuộc quyền sử dụng của ông C , bà M; vì ông C , bà M lập các loại giấy tờ chuyển nhượng giả nên ông Chương, bà M không có quyền cho mượn đất thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông Nguyễn Văn Hòa xóm trưởng, ông Trần Văn B bí thư chi bộ xóm 5A và ông Nguyễn Đình c chủ tịch UBND xã n xác định: Việc xác nhận nội dung vào giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Đình Lvà ông Bùi Hữu C , bà Bùi Thị Mcó một số nội dung mâu thuẫn về thời gian. Tuy nhiên ông Nguyễn Đình Ltừ trước đến nay vẫn xác định và khẳng định: Ông L được thừa kế thửa đất năm 2009 và sau khi làm thủ tục thừa kế hoàn tất, ông L đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích thửa đất cho anh em ông Bùi Hữu Cvà bà Bùi Thị M . Và hiện tại ông Nguyễn Đình Lvẫn khẳng định đã chuyển nhượng và sẽ tiếp tục hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng thửa đất cho ông C , bà M chứ không chuyển nhượng thửa đất cho ai khác. Còn việc ông H , bà T và anh Dcho rằng: Việc chuyển nhượng thửa đất từ ông Nguyễn Đình Lcho anh em ông C , bà M là bất hợp pháp, thì giữa ông L , ông C , bà M có quyền và nghĩa vụ thực hiện theo qui định về pháp luật đất đai. Và chỉ ông Nguyễn Đình Li , ông Bùi Hữu C , bà Bùi Thị Mvà bà L vợ ông L mới có quyền yêu cầu xem xét về Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Đối với nội dung kháng cáo liên quan đến yêu cầu giám định Giấy chuyển nhượng đất giữa ông Nguyễn Đình Lvới ông Bùi Hữu Cvà bà Bùi Thị M năm 2009.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm vợ chồng ông H , bà T , anh Dyêu cầu giám định về các tài liệu liên quan đến việc chuyển nhượng thửa đất giữa ông Nguyễn Đình L và ông Bùi Hữu C , bà Bùi Thị M , thấy rằng: Mặc dù các tài liệu là hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông L và ông C , bà M có một số nội dung chưa thống nhất về mặt thời gian, tuy nhiên ông Nguyễn Đình L là người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác định, thừa nhận là đã chuyển nhượng thửa đất cho ông Chương, bà M chứ không chuyển nhượng cho ai khác. Do đó việc yêu cầu giám định; khiếu nại kết quả giám định và yêu cầu tạm đình chỉ giải quyết vụ án để ông H , bà T khiếu nại việc chuyển nhượng thửa đất giữa ông Linh với bà M, ông C của vợ chồng ông H , bà T và anh D không liên quan đến việc chuyển nhượng thửa đất giữa ông L và ông C , bà M và cũng không ảnh hưởng đến nội dung tranh chấp trong vụ án.

Mặt khác Anh Ngô D cho rằng, anh D không mượn đất mà thửa đất là do ông Hà, bà Tường mua của ông Chương, bà M nên đã xây dựng nhà, các công trình để ở thấy rằng; Trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông H , bà T không có tài liệu chứng cứ để chứng minh việc đã mua đất của ông Chương, bà M. Và ông H , bà T cũng xác định; ông H , bà T có 02 thửa đất thổ cư tại xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, nên không mượn đất của ông C , bà M để đầu tư một số tiền lớn để xây dựng nhà, các công trình trên thửa đất khi chưa thuộc quyền sử dụng của mình. Hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm anh D cho rằng; nhà và tài sản trên đất anh D không có đóng góp nên không yêu cầu gì, còn chị T thì cho rằng; nếu nhận nhà để ở thì không có số tiền lớn để thanh toán lại cho ông H , bà T , anh D h. Bởi vậy cấp sơ thẩm xác định diện tích thửa đất là do ông Chương, bà M cho vợ chồng chị T, anh D mượn để làm nhà ở và buộc anh D , chị T phải trả lại thửa đất cho ông C , bà M là có căn cứ.

Đối với nội dung vợ chồng ông H và bà T và anh D cho rằng; toàn bộ giá trị nhà, các công trình trên đất là của vợ chồng ông H , bà T bỏ ra làm, vợ chồng chị T, anh D không có đóng góp gì. Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án chị T cung cấp các tài liệu; giấy xác nhận trả nợ của anh Đặng Văn K trả tiền làm cửa, hàng rào thép và hàng rào lưới 16.881.000 đồng (trong đó Anh D trả 10.000.000 đồng; chị T trả 6.881.000 đồng); giấy xác nhận của chị Nguyễn Thị N (chủ cửa hàng vật liệu), xác nhận ngày 20/4/2015 chị T đã trả tiền nợ vật liệu lần cuối là 36.522.000 đồng; Giấy xác nhận của ông Đậu Văn H đã hợp đồng với anh H (anh trai chị T) để làm một số khung, cửa gỗ với số tiền 59.311.000 đồng; giấy xác nhận trả nợ của anh Bùi Hữu H và, xác nhận chị T đã trả cho anh Hùng 32.537.000 đồng tiền vật liệu. Căn cứ các tài liệu liên quan đến việc thanh quyết toán công trình xác định; chị T là người trực tiếp

chi tiêu tổng số tiền 145.229.000 đồng để làm nhà. Do đó cấp sơ thẩm xác định công sức đóng góp của vợ chồng chị T, anh D^{1/4}; của ông Hà, bà Tường ^{3/4} giá trị tài sản trên đất là có cơ sở.

Tuy nhiên, ông H và bà T, chị T, anh D là những người hiện đang sử dụng một phần diện tích thửa đất số 868 tờ bản đồ số 29 nhưng bản án sơ thẩm chỉ tuyên buộc chị T và anh D trả lại đất cho ông C, bà M. Mặt khác họ chỉ sử dụng một phần thửa đất (Phần đất có nhà và các công trình), theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì phần diện tích đất là 304m², phần còn lại vẫn do ông Chương, bà M quản lý. Nhưng bản án sơ thẩm lại tuyên buộc Anh Ngô D và Chị Nguyễn Thị Kiều T phải trả lại cho ông Bùi Hữu C và bà Bùi Thị M quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 868, tờ bản đồ số 29 tại xóm 5A, xã n, huyện n, tỉnh Nghệ An là chưa đầy đủ. Hơn nữa hiện quan hệ hôn nhân giữa anh Doanh, chị T đã có hiệu lực pháp luật, nên việc cùng nhau lưu cư trong ngôi nhà là không phù hợp. Do đó, cần buộc ông H, bà T và anh D, chị T phải có nghĩa vụ trả lại phần diện tích đất cho ông C, bà M đảm bảo công tác thi hành án thuận lợi.

Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của Chị Nguyễn Thị Kiều T; kháng cáo của Anh Ngô D; kháng cáo của ông Ngô Xuân H và bà Đinh Thị T. Theo yêu cầu của anh D, ông H, bà T, cấp phúc thẩm tiến hành định giá lại các loại tài sản trên đất có trị giá thấp hơn so với cấp sơ thẩm. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm anh D, ông H, bà T đề nghị giữ nguyên trị giá đã định ở cấp sơ thẩm nên cần chấp nhận, giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị Kiều T và Anh Ngô D kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm theo quy định. Ông Ngô Xuân H, bà Đinh Thị T thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí.

Về chi phí thẩm định định giá tại cấp sơ thẩm: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ (Đã thực hiện xong), nên miễn xét.

Về chi phí định giá lại tài sản và giám định: Anh Doanh, ông Hà, bà Tường là người yêu cầu, tại phiên tòa phúc thẩm anh Doanh, bà Tường, ông Hà tự nguyện chịu toàn bộ (Đã thực hiện xong) nên miễn xét.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm (Về quan hệ hôn nhân, quan hệ nuôi con chung) không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn, kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của Chị Nguyễn Thị Kiều T; không chấp nhận kháng cáo của Anh Ngô D; không chấp nhận kháng cáo của ông Ngô Xuân H và bà Đinh Thị T. Giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm về quan hệ tài sản chung.

Áp dụng các Điều 59, 60, 61, 63 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 166, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/QH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ tài sản chung:

1.1. Buộc Anh Ngô D; Chị Nguyễn Thị Kiều T và vợ chồng ông Ngô Xuân H, bà Đinh Thị T phải trả lại cho ông Bùi Hữu C và bà Bùi Thị M phần diện tích đất 304m² thuộc thửa đất số 868, tờ bản đồ số 29 tại xóm 5A, xã n, huyện n, tỉnh Nghệ An.

1.2. Tạm giao cho ông Bùi Hữu C và bà Bùi Thị M sử dụng thửa đất số 868, tờ bản đồ số 29 tại xóm 5A, xã n, huyện n, tỉnh Nghệ An.

1.3. Ông Bùi Hữu C và bà Bùi Thị M được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất thuộc thửa đất số 868, tờ bản đồ số 29 tại xóm 5A, xã n, huyện n, tỉnh Nghệ An nhưng phải liên đới thanh toán tiền giá trị tài sản cho ông Ngô Xuân H, bà Đinh Thị Tn, Anh Ngô D, Chị Nguyễn Thị Kiều T số tiền 544.935.750 đồng.

Kỷ phần cụ thể như sau: Bà Bùi Thị M và ông Bùi Hữu C phải thanh toán cho ông Ngô Xuân H, bà Đinh Thị Tn số tiền 408.701.814đ (Bốn trăm linh tám triệu bảy trăm linh một ngàn, tám trăm mười bốn đồng). Thanh toán cho Chị Nguyễn Thị Kiều T số tiền 68.116.954đ (Sáu mươi tám triệu một trăm mười sáu ngàn chín trăm năm mươi bốn đồng), thanh toán cho Anh Ngô D số tiền 68.116.954đ (Sáu mươi tám triệu một trăm mười sáu ngàn chín trăm năm mươi bốn đồng).

Vợ chồng ông Ngô Xuân H, bà Đinh Thị Tn; Anh Ngô D; Chị Nguyễn Thị Kiều T được sở hữu số tiền trị giá tài sản do ông Bùi Hữu C, bà Bùi Thị M giao lại (Kỷ phần ông C, bà M phải thanh toán mỗi người ½ số tiền phải thanh toán).

1.4. Ông Bùi Hữu C và bà Bùi Thị M có quyền và nghĩa vụ đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục về đất đai và tài sản trên đất, theo quy định pháp luật về Đất đai.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Hoàn trả lại cho ông Bùi Hữu Cvà bà Bùi Thị M300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự v, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số 0002805 ngày 09/02/2017.

2.2. Chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; 3.405.847 đồng án phí chia tài sản và 100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 3.705.847 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.500.000 đồng tạm ứng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự v, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số 0003253 ngày 10/5/2016 (Số tiền án phí còn thiếu chị T phải nộp tiếp).

2.3. Anh Ngô D phải chịu 3.405.847 đồng án phí chia tài sản và 100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 3.505.847 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

3.1. Chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự v, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số 0002682 ngày 20/7/2018.

3.2. Anh Ngô D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu số 0002762 ngày 02/8/2018.

3.3. Hoàn trả lại cho ông Ngô Xuân H và bà Đinh Thị Tv mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự vtỉnh Nghệ An theo biên lai số 0002716 ngày 30/7/2018 và biên lai số 0002740 ngày 09/8/2018.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm (Về quan hệ hôn nhân, quan hệ nuôi con chung) không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn, kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND v;
- Chi Cục THADS v;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Phần